

Trả Tự Do Cho

FREEDOM COMMITTEE

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

RELIGIOUS OR POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

IV # 46602

VEWL.#

1-171 : Yes. ✓

1. APPLICANT IN VIETNAM Pham Khánh Hoài
Last Middle First
Current Address 591 Lê Hồng Phong Đ. 10. Thành phố Hồ Chí Minh
Date of Birth 5-15-52 Place of Birth xã Sơn Hải, quận Sơn Hải, T. Quảng Ngãi
Previous Occupation (before 1975) Thiếu úy Phòng vệ, Quân số 72-211-578
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6-27-75 To 9-04-80
3. SPONSOR'S NAME: Phạm An
Name
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

1- Ham Thanh Chien.

a. không biết mặt

2. Pham T. Cindy

and on chu'bac'ruet

3. Phan-T-Vincent.

Đúng em chú bác ạ!

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Pham Khanh Hoai
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>không có</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ỦY-BAN VĂN-DONG TRA TÙ-ĐO CHO MỤC-SU, TRUYỀN-ĐẠO VÀ TIN-HUU TIN-LANH TẠI VIỆT-NAM
MAU DON HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH TAI VIET-NAM

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : Pham Khánh Hoài
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 5 15 52
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam) du, m, n
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Độc thân): ✓ Married (Có lập gia đình): _____
(Tình trạng gia đình):
ADDRESS IN VIETNAM : 591 Lê Hồng Phong Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
(Địa chỉ tại Việt-Nam)
RELIGIOUS OR
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) ✓ No (Không) _____
If Yes (Nếu có): From (Từ): 6-27-75 To (Đến): 9-04-80
PLACE OF RE-EDUCATION: Thủ Đức, Tây Ninh, Biên Hòa
CAMP (Trại tù)
PROFESSION (Nghề nghiệp): tiếp khách quán ăn 10/ LT
EDUCATION IN U.S. (Đu học tại Mỹ): không
VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): Thiếu úy Thiết giáp, quân số 72-2/1573
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ): _____
Date (nam): 1970-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): ✓
IV Number (Số hồ sơ): 46602
No (Không): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 0
(Ten thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 591 Lê Hồng Phong, Quận 10
Thành Phố Hồ Chí Minh
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):
Phạm An
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (có): ✓ No (Không): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): Cháu ruột
NAME & SIGNATURE: AM PHAM Am Pham
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chu ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này) 1911 S. Golden West Ave
DATE: April 05 1980
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Pham Khanh Hoi
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>không có</i>	- 0 -	

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

MINISTRY OF INTERIOR
CAMP TAN HIEP

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Form 001-GLTG
Independence-Freedom-Happiness issued based on
Notice #2565-11.21.1972

NO# 712/GRT

PERMISSION TO LEAVE CAMP

Based on Directive # 966 -BCA/TT dated 05.31.1961 by Department of Interior.

Complying with Decree of Pardon #118 dated 08.25.1980 by the Ministry of Interior.

Hereby issue this release Order to:

Name: **PHAM KHANH HOAI**

born on 1952 at Quang Ngai

Address before arrest:

591 Le Hong Phong, Quan 10, TP Hochiminh

Reason for arrest: Lieutenant Chief of Section

Arrested on 06.27.1975

Penalty:

Address after Release: 591 Le Hong Phong, Q. 10
TP Hochiminh

Observation on his Re-education Time:
Parolee.

Must be present at The Popular Committee of the Village before.

Finger Prints
of Pham Khanh Hoai

N# 005228

Prepared at Tan Hiep

His Signature
Pham Khanh Hoai

Date: 01.01.1980

The Proctor

Cap. Phan Thanh Liem

Signature and seal.

The applicant had been presented at Security of Ward 12
District 10 Dated 09.04.1980.

Nguyen Duy Bao (Sign & Seal)

ENGLISH TRANSLATION

I, the undersigned, being sworn according to law, depose and declare that I am thoroughly conversant with the Vietnamese and English languages, and that I had made the above translation of the attached Vietnamese document and that it is an accurate and true copy to the best of my knowledge and belief.

(Translator's signature) Jan. 2, 1985

NOTARY PUBLIC

State of California County of Orange/City of Westminster
Subscribed and sworn to before me on this Jan. 2, 1985

Thi Thi Nguyen
Notary Public



ĐẠI HỘI
TÂN HIỆP
Số 713/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

27-11-202
Mẫu số 001
QUỐC BAN HÀNH
theo công văn
số 2555 ngày
21/11/1972

Số HSLĐ

29/11
T
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nội Vu: Theo thông tư số 966-BGA/TT ngày 30 tháng 6 năm 1971 của Bộ
Thủ hành an dân, quyết định tha công nhân ngày 25 tháng 06
năm 1980 của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây: .

Họ, tên khai sinh: **PHẠM KHÁNH HOÀI**

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1952

Nơi sinh: **Quảng Ngãi**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

591 Lê Hồng Phong, Quận 10, TP. HỒ CHÍ MINH

Sau đó ~~đã bị bắt~~ **đã bị bắt**

Bị bắt ngày **21-6-1975** tại địa phương

Theo quyết định, an văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng cường lao động thành năm

Đã được giảm án lần, công thành tháng

Nay về cư trú tại **Số 12 Hồng Phong Quận 10, TP. HỒ CHÍ MINH**

ĐẠI: TÂN HIỆP
Số: 413/GRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 001
Thảo Công Việt
Số 2555 ngày
21/11/1972

Số HSB.D

CHÍNH SÁCH TUYÊN QUANG

Nội Vụ: Theo thông tư số 966-B/A/TT ngày 30 tháng 6 năm 1971 của Bộ
Thủ hành án văn, quyết định của công an ngày 25 tháng 06
năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: PHẠM KHÁNH HOÀI
Họ, tên thường gọi
Họ, tên bí danh
Sinh ngày tháng năm 1952
Nơi sinh Quảng Ngãi
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt
591 Lê Hồng Phong, Quận 10, TP. HỒ CHÍ MINH
Bị bắt ngày 21-27-6-1975 tại địa phương
Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của
Đã bị tăng án lần công thành năm
Đã được giảm án lần, công thành tháng
Nay về cư trú tại 591 Lê Hồng Phong Quận 10, TP. HỒ CHÍ MINH
Nhận xét quá trình cải tạo

Lên tay ngân, trả phát Họ tên chủ lý /gày / tháng / năm 1980
của PHẠM KHÁNH HOÀI người được cấp giấy P. Giám thị
Danh đơn số 005228
Cấp tại TÂN HIỆP

Phạm Khánh Hoài

Phạm Thanh Liêm

Đại úy: PHẠM THANH LIÊM



11
Họ tên: TÂN HIỆP
Số: 113/GRN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

24-11-1972
Mẫu số 001
Quét scan bản
thực công văn
số 2555 ngày
21/11/1972

96 HES.D

35 TAY RA TAY I

Nội Vu: Theo thông tư số 966-B/A/TT ngày 31 tháng 6 năm 1971 của Bộ

Thủ hành án dân sự, quyết định của số 118 ngày 25 tháng 08 năm 1980 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: PHẠM KHÁNH HOÀI

Họ, tên thông gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1952

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

591 Lê Hồng Phong, Quận 10, TP. HỒ CHÍ MINH

Đã bị bắt ngày 27-6-1975

Đã bị bắt ngày 27-6-1975

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần công thành năm

Đã được giảm án lần, công thành tháng

Nay về cư trú tại 591 Lê Hồng Phong, Quận 10, TP. HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình tái tạo

Lưu giữ nguyên tờ phạt Họ tên chủ lý 11/gày 11 tháng 1 năm 1980 của PHẠM KHÁNH HOÀI

Danh đơn số 005228

Lưu tại TÂN HIỆP

Phạm Khánh Hoài

Phạm Khánh

Đại úy: PHẠM THANH LIÊM

